

Số: 90 /2026 /QĐST-HNGĐ

L, ngày 03 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - L**

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;  
Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 128/2026 /TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

- Anh Lò Văn I, sinh năm 1989

Địa chỉ: Bản Nà S, xã Bình L1, tỉnh L

- Chị Nùng Thị N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản Nà S, xã Bình L1, tỉnh L

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Nùng Thị N và anh Lò Văn I trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nùng Thị N và anh Lò Văn I là vợ chồng hợp pháp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04/2009 ngày 09/9/2009 tại UBND xã Bình L1, huyện Tam Đ, tỉnh L (nay là UBND xã Bình L1, tỉnh L). Đến nay, chị N và anh I thực sự tự nguyện ly hôn và đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên cần được Tòa án chấp nhận.

[2] : Chị Nùng Thị N và anh Lò Văn I đã thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nùng Thị N và anh Lò Văn I thuận tình ly hôn.

- **Về việc nuôi con chung:** Chị Nùng Thị N và anh Lò Văn I có 02 con chung tên là Lò Thị L2, sinh ngày 15/10/2007 và Lò Văn L3, sinh ngày 12/12/2008. Cháu Lò Thị L2 đã trên 18 tuổi và đã có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Lò Văn L3 chị N và anh I thỏa thuận như sau:

+ Anh Lò Văn I là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên là Lò Văn L3, sinh ngày 12/12/2008 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh I tự thỏa thuận không cấp dưỡng nuôi con chung đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Chị Nùng Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

- **Về chia tài sản (về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung):** Chị Nùng Thị N và anh Lò Văn I tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### 2. Về lệ phí Tòa án:

Chị Nùng Thị N và anh Lò Văn I thỏa thuận chị N là người nộp toàn bộ lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng. Xác nhận chị Nùng Thị N nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 0000119 ngày 10/3/2026 tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh L;
- UBND xã Bình L1, tỉnh L ;
- VKSND khu vực 1 - L;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

**THẨM PHÁN**

**Tòng Thị Tuyết**